

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ - ST
Ngày 29 tháng 6 năm 2021
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chung

2. Ông Nguyễn Thái Hòa

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam V, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 05/7/2001, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã K, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong vợ chồng chị về

ở chung cùng bố mẹ đẻ anh T. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, sau đó do anh T chơi bời không chịu làm ăn nên hai vợ chồng mâu thuẫn, năm 2013 thì chị đi nước ngoài lao động đến năm 2017 chị về nước, vợ chồng xa cách về mặt địa lý nên tình cảm có nhạt dần và anh T ở nhà đã viết đơn xin ly hôn chị, nhưng anh T chưa đề nghị Tòa án giải quyết vì lúc đó chị vẫn đang ở nước ngoài. Sau đó anh T lên Lạng Sơn làm ăn rồi bị bắt và bị xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện tại anh T đang chấp hành án tại: Phân trại 3, Trại giam V- Bộ Công an. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Hiện nay chị không có thai.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung: Cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 22/7/2002, cháu đã trên 18 tuổi và đã đi làm, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 12/11/2009, hiện cháu M đang ở với bà nội ở thôn N, xã K, huyện Vĩnh Tường. Ly hôn chị xin nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại Tòa, nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 6 năm 2021, anh T trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Anh có làm đơn ly hôn chị H và gửi ra Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường nhưng do chị H vẫn đang ở nước ngoài nên anh lại rút đơn về. Anh và chị H sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Năm 2020 anh bị bắt và bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện anh chấp hành án tại Trại giam V. Nay chị H xin ly hôn anh nhất trí ly hôn. Việc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường thụ lý giải quyết vụ án, anh không thắc mắc gì về thẩm quyền. Anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu: Cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 22/7/2002, cháu đã trên 18 tuổi và đã đi làm, anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 12/11/2009, hiện cháu M đang ở với bà nội ở thôn N, xã K, huyện Vĩnh Tường. Ly hôn anh nhất trí đề

chị H nuôi cháu M. Do anh đang chấp hành án tại Trại giam nên không thể cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 04 tháng 6 năm 2021, Ủy ban nhân dân xã K cung cấp: Chị H và anh T đăng ký kết hôn ngày 05/7/2001, và được UBND xã K cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn của chị H và anh T không thuộc trường hợp bị đe dọa, cưỡng ép kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T thì Ủy ban nhân dân xã K không biết vì thực tế các khối đoàn thể hay Ủy ban nhân dân xã K đều không nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh T. Hiện chị H không chung sống cùng gia đình anh T tại thôn N, xã K, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 22/7/2002; cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 12/11/2009. Hiện cháu L đi làm còn cháu M đang ở với bà nội ở thôn N, xã K. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, Ủy ban nhân dân xã K đề nghị Tòa án giải quyết giao con theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi tốt nhất cho các cháu. Về các mối quan hệ khác trong vụ án giữa chị H và anh T, Ủy ban nhân dân xã K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Ủy ban nhân dân xã K không nhận được bất kỳ đơn thư tố cáo của tổ chức hay cá nhân nào liên quan đến chị H và anh T về hành vi vi phạm pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 4 năm 2021, cháu Nguyễn Thị Trà M là con chung của chị H và anh T trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị H, anh T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh T là bị đơn hiện đang chấp hành án tại Trại giam V, xã

Đ, huyện Tam Đảo, đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt anh.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T; về con chung: Chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 12/11/2009. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị H và anh T không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn T, có hộ khẩu tại: Thôn N, xã K, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đối với anh Nguyễn Văn T: Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam V, xã Đ, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh T đã có lời khai, có Đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết, xét xử vắng mặt. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 05/7/2001, tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Vĩnh Tường. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét

hôn nhân giữa chị H và anh T thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị H và anh T có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị H trình bày do anh T chơi bời không chịu làm ăn nên hai vợ chồng mâu thuẫn, năm 2013 chị đi nước ngoài lao động đến năm 2017 chị về nước, vợ chồng xa cách về mặt địa lý nên tình cảm có nhạt dần và anh T ở nhà đã viết đơn xin ly hôn chị, nhưng anh T chưa đề nghị Tòa án giải quyết vì lúc đó chị vẫn đang ở nước ngoài. Sau đó anh T lên Lạng Sơn làm ăn rồi bị bắt và bị xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và đi chấp hành án cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh T có hộ khẩu cho biết: Chính quyền địa phương không nắm được việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T. Việc chị H xin ly hôn và các mối quan hệ khác trong vụ án, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 6 năm 2021, anh T cũng thừa nhận anh và chị H mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn tiếng nói chung nên chị H xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 22/7/2002, cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 12/11/2009. Hiện cháu L đã trên 18 tuổi và đã đi làm, chị H và anh T đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn cháu M đang ở với bà nội ở thôn N, xã K. Ly hôn anh T nhất trí để chị H nuôi cháu M. Hiện tại cháu M đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ là chị H. Theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Do đó để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho cháu M, cần giao cháu M cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con chung chị H không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Chị H, anh T không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phù hợp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 12/11/2009, (hiện cháu M đang ở với bà nội ở thôn N, xã K, huyện Vĩnh Tường). Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000562 ngày 29/3/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo bản án: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Minh

Phùng Văn Thông

Hoàng Thị Quỳnh